

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 12/05/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lựu
2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 05 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 04 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa số 05 ngày 05/05/2023, đối với bị cáo:

Huỳnh Văn H, sinh năm: 2004; tại Bình Dương; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Huỳnh Văn D** (đã chết) và bà **Lê Thị Ngọc G**; có 01 người em ruột, sinh năm 2005; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 10/02/2023 bị tạm giam cho đến nay. Có mặt.

Người bị hại:

Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: **đội C, thôn P, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước**. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: **thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước** (vắng mặt).

Người làm chứng: **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: **khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước** (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn H là người làm thuê cho **Nguyễn Thanh H1**. Sáng ngày 03/02/2023, **H** đến địa điểm kinh doanh của **H1** tại **khú B, phường S, thị xã P** để làm việc. Lúc này còn có **Nguyễn Duy T** (thợ sắt) đang làm việc cho **H1**. **T** nhờ **H** sạc pin điện thoại Samsung Galaxy A23 của **T**.

Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, **H1** chở **T** đi công việc và dặn **H** trông coi cửa tiệm. **H** thấy 01 xe mô tô biển kiểm soát 93P1 – 081.92 của **T** đang dựng trong cửa tiệm và nhớ đến điện thoại di động mà **T** nhờ **H** sạc pin trước đó nên nảy sinh ý định chiếm đoạt các tài sản trên để sử dụng. **H** lấy điện thoại di động bỏ vào túi quần, dẫn bộ xe mô tô ra đường, ngồi lên xe thả trôi xuống dốc một đoạn thì xe dừng lại. Do không nổ máy xe được nên **H** dựng xe bên lề đường. **H** đi bộ đến **cầu T thuộc khu E, phường T, thị xã P**, đi nhờ xe người đi đường về nhà tại **thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước**.

Đến 10 giờ cùng ngày, **H1** và **T** quay về, phát hiện mất xe và điện thoại di động nên đã xem camera an ninh, biết **H** là người trộm cắp số tài sản trên.

H1 nhắn tin cho **H** và bảo **H** mang xe và điện thoại ra trả cho anh **T**, **H** nhắn tin lại cho **H1** với nội dung “Xe để gần **Petro P**, ở ngay quán ăn, có gì lên đó lấy”. **T** đến lấy xe mang đến **Công an phường S, thị xã P** trình báo.

Cùng ngày **H** đến Cơ quan CSĐT **Công an thị xã P** đầu thú, giao nộp 01 điện thoại Samsung Galaxy A23.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 03 ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thị xã P**, tại thời điểm xảy ra vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 93P1 – 081.92 trị giá 4.000.000 đồng; 01 điện thoại Samsung Galaxy A23 trị giá 2.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà **H** chiếm đoạt là 6.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 29/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố bị cáo **Huỳnh Văn H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Huỳnh Văn H** về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 32; Điều 38; Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn H** mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông **Nguyễn Duy T** đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo rất ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại trong quá trình điều tra, truy tố; biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2023, tại khu B, phường S, thị xã P, Huỳnh Văn H đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 93P1 – 081.92 và 01 điện thoại Samsung Galaxy A23 của Nguyễn Duy T. Căn cứ kết luận định giá, tài sản H chiếm đoạt trị giá: 6.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của mình sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã cố ý thực hiện.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Bị cáo đầu thú”, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Với phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, chỉ cần tuyên một mức án và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về vật chứng: Ngày 13/02/2023 Công an thị xã P đã trả lại cho chủ sở hữu bị hại ông Nguyễn Duy T: 01 xe mô tô, biển số 93P1-081.92 và 01 điện thoại di động S A23, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có đủ điều kiện để Hội đồng xem xét mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bảo đảm tính khoan hồng của nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Điều, 50 Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: bị cáo **Huỳnh Văn H** 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Huỳnh Văn H** cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/05/2023).

Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

